

tiān qì

天气

18课

wū yún

乌云

18课

jí máng

急忙

18课

jí hé

集合

18课

àn le

暗

18课

tū rán

突然

18课

kǎn

砍

18课

liè kāi

裂开

18课

bǎo jiàn

宝剑

18课

cì

刺

18课

wū yún

black cloud

tiān qì

weather

jí hé

a congregation, to gather, a set

jí máng

hastily

tū rán

sudden, abrupt, unexpected

àn le

dark

liè kāi

to split open

kǎn

to hack, to chop, to cut, to fell

cì

thorn, sting, prick, pierce, stab, thru
st, assassinate, murder

bǎo jiàn

double-edged sword

shǎn diàn

闪电

18课

dǎ léi

打雷

18课

liàn gōng fū

练功夫

18课

bào zhù

抱住

18课

ān quán

安全

18课

bì léi zhēn

避雷针

18课

bǎo hù

保护

18课

gāng gāng

刚刚

18课

sì jì

四季

18课

chuāng wài

窗外

18课

dǎ léi

thunder

shǎn diàn

lightning

bào zhù

to hold tightly; to wrap

liàn gōng fū

Practice Gong-Fu

bì léi zhēn

lightning rod

ān quán

safe, secure, safety, security

gāng gāng

just recently, just a moment ago

bǎo hù

protect, safeguard, protection

chuāng wài

outside the window

sì jì

the four seasons

hǎi biān

海边

18课

xì shuǐ

戏水

18课

chūn xià qiū dōng

春夏秋冬

18课

xuě huā

雪花

18课

liū bīng

溜冰

18课

huá xuě

滑雪

18课

chì bǎng

翅膀

18课

zhuī gǎn

追赶

18课

yún xiá

云霞

18课

wǔ yán liù sè

五颜六色

18课

xì shuǐ

dabble

hǎi biān

seaside

xuě huā

snowflake

chūn xià qiū dōng

the four seasons; spring,
summer, autumn and winter

huá xuě

to ski,skiing

liū bīng

ice skating

zhuī gǎn

to pursue,to chase after,to
accelerate,to catch up with,to
overtake

chì bǎng

wing

wǔ yán liù sè

multi-colored,every color under
the sun

yún xiá

cloud